Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

CHƯƠNG VII.

KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, HÀNG HOÁ

I. KHÁI NIỆM, KẾ TOÁN CHI TIẾT THÀNH PHẨM, HÀNG HOÁ

1. Khái niệm

Thành phẩm là những sản phẩm đã kết thúc giai đoạn chế biến cuối cùng trong quy trình công nghệ sản xuất ra sản phẩm đó của doanh nghiệp (ngoài ra còn bao gồm cả những sản phẩm thuê ngoài gia công đã hoàn thành) đã qua kiểm tra kỹ thuật và được xác nhận là phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, đã được nhập kho hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

Hàng hoá là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán. Trị giá hàng hoá mua vào, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hoá như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hoá. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua hàng hoá.

Tiêu thụ thành phẩm là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất. Đó là việc cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, lao vụ, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Hoạt động tiêu thụ thành phẩm trong doanh nghiệp có thể tiến hành theo nhiều phương thức: bán trực tiếp tại kho của doanh nghiệp, chuyển hàng theo hợp đồng, bán hàng thông qua các đại lý... về nguyên tắc, kế toán sẽ ghi nhận nghiệp vụ tiêu thụ vào sổ sách kế toán khi nào doanh nghiệp không còn quyền sở hữu về thành phẩm nhưng bù lại được quyền sở hữu về tiền do khách hàng thanh toán hoặc được quyền đòi tiền.

2. Kế toán chi tiết thành phẩm, hàng hoá

Kế toán chi tiết thành phẩm, hàng hoá tương tự như kế toán chi tiết vật liệu, CCDC đã được trình bày tại Chương IV - Kế toán vật liệu, công cụ, dụng cụ.

II. KẾ TOÁN TỔNG HỢP THÀNH PHẨM, HÀNG HOÁ, HÀNG GỬI ĐI BÁN THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN

1. Kế toán tổng hợp thành phẩm

1.1. Tài khoản sử dụng

- TÀI KHOẢN 155 - THÀNH PHẨM

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp.

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 155 - Thành phẩm

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của thành phẩm nhập kho;

- Trị giá của thành phẩm thừa khi kiểm kê.

Bên Có:

- Trị giá thực tế của thành phẩm xuất kho;

- Trị giá của thành phẩm thiếu hụt khi kiểm kê.

Số dư bên Nợ:

Trị giá thực tế của thành phẩm tồn kho.

- TÀI KHOẢN 632 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh";

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2. Phương pháp kế toán

(1). Nhập kho thành phẩm do đơn vị sản xuất ra hoặc thuê ngoài gia công, ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

(2). Xuất kho thành phẩm để bán cho khách hàng, kế toán phản ánh giá vốn của thành phẩm xuất bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm.

(3). Xuất kho thành phẩm gửi đi bán, xuất kho cho các cơ sở nhận bán hàng đại lý, ký gửi hoặc xuất kho cho các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc (Trường hợp sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ), ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 155 - Thành phẩm.

(4). Khi người mua trả lại số thành phẩm đã bán: Trường hợp thành phẩm đã bán bị trả lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu hàng bán bị trả lại theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

Có các TK 111, 112, 131,... (Tổng giá thanh toán của hàng bán bị trả lại).

Đồng thời phản ánh giá vốn của thành phẩm đã bán nhập lại kho, ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

(5). Xuất thành phẩm tiêu dùng nội bộ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh: Trường hợp xuất kho thành phẩm thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

- Khi xuất kho thành phẩm, ghi:

Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm.

- Phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ của thành phẩm xuất kho tiêu dùng nội bộ và thuế GTGT đầu ra, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (chi phí sản xuất sản phẩm)

Đồng thời, kế toán kê khai thuế GTGT cho thành phẩm tiêu dùng nội bộ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

(6). Xuất thành phẩm tiêu dùng nội bộ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh: Trường hợp xuất kho thành phẩm thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

- Khi xuất kho thành phẩm, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm.

- Phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ của thành phẩm xuất kho tiêu dùng nội bộ và thuế GTGT đầu ra, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (chi phí sản xuất sản phẩm)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(7). Mọi trường hợp phát hiện thừa, thiếu thành phẩm khi kiểm kê đều phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân xác định người phạm lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu thừa, thiếu thành phẩm do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ kế toán phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Trường hợp chưa xác định được nguyên nhân thừa, thiếu phải chờ xử lý; Nếu thừa, ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

Khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác.

Có các Tài khoản liên quan.

- Trường hợp chưa xác định được nguyên nhân thừa, thiếu phải chờ xử lý; Nếu thiếu, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 155 - Thành phẩm.

(8). Khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, kế toán ghi sổ theo quyết định xử lý, ghi:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ các TK 111, 112,... (Nếu cá nhân phạm lỗi bồi thường bằng tiền)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào lương của cá nhân phạm lỗi)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Phần giá trị hao hụt, mất mát còn lại sau khi trừ số thu bồi thường)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381).

2. Kế toán tổng hợp hàng hoá

2.1. Tài khoản sử dụng

- TÀI KHOẢN 156 - HÀNG HOÁ

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hoá của doanh nghiệp bao gồm hàng hoá tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hoá bất động sản.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 156 - Hàng hoá

Bên Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hoá theo hoá đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);

- Chi phí thu mua hàng hoá;

- Trị giá của hàng hoá thuê ngoài gia công (Gồm giá mua vào và chi phí gia công);

- Trị giá hàng hoá đã bán bị người mua trả lại;

- Trị giá hàng hoá phát hiện thừa khi kiểm kê;

- Kết chuyển giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);

- Trị giá hàng hoá bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

Bên Có:

- Trị giá của hàng hoá xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc; thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;

- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hoá đã bán trong kỳ;

- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng;

- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng;

- Trị giá hàng hoá trả lại cho người bán;

- Trị giá hàng hoá phát hiện thiếu khi kiểm kê;

- Kết chuyển giá trị hàng hoá tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

- Trị giá hàng hoá bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

Số dư bên Nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hoá tồn kho;

- Chi phí thu mua của hàng hoá tồn kho.

Tài khoản 156 - Hàng hoá, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1561 - Giá mua hàng hoá:* Phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động của hàng hoá mua vào và đã nhập kho (Tính theo trị giá mua vào).

- *Tài khoản 1562 - Chi phí thu mua hàng hoá:* Phản ánh chi phí thu mua hàng hoá phát sinh liên quan đến số hàng hoá đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hoá hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng hoá đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (Kể cả tồn trong kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được). Chi phí thu mua hàng hoá hạch toán vào tài khoản này chỉ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hoá như: Chi phí bảo hiểm hàng hoá, tiền thuê kho, thuê bến bãi,... chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hoá từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp; các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hoá.

- *Tài khoản 1567 - Hàng hoá bất động sản:* Phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hoá bất động sản của doanh nghiệp.

Hàng hoá bất động sản gồm: Quyền sử dụng đất; nhà; hoặc nhà và quyền sử dụng đất; cơ sở hạ tầng mua để bán trong kỳ hoạt động kinh doanh bình thường; Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

2.2. Phương pháp kế toán

(1). Đối với hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

- Nếu mua hàng trong nước, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561) (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (Thuế GTGT đầu vào)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (Tổng giá thanh toán).

- Nếu mua hàng trực tiếp nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561) (Giá mua cộng (+) Thuế nhập khẩu)

Có các TK 111, 112, 331,...

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế nhập khẩu).

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Đồng thời phản ánh thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp Ngân sách Nhà nước, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu)

- Trường hợp hàng mua nhập khẩu phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561) (Giá mua cộng (+) Thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu)

Có các TK 111, 112, 331,...

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Nếu mua hàng uỷ thác nhập khẩu xem quy định ở Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán.

(2). Đối với hàng hoá mua vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, hoặc dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT:

- Nếu mua hàng trong nước, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561) (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (Tổng giá thanh toán).

- Nếu mua hàng nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561) (Giá mua cộng (+) Thuế nhập khẩu cộng (+) Thuế GTGT hàng nhập khẩu cộng (+) Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,...

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế nhập khẩu)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

(3). Trường hợp đã nhận được hoá đơn của người bán nhưng đến cuối kỳ kế toán, hàng hoá chưa về nhập kho thì căn cứ vào hoá đơn, ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,...

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

- Sang kỳ kế toán sau, khi hàng mua đang đi đường về nhập kho, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561)

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

(4). Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 156 - Hàng hoá (1561)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

(5). Giá trị của hàng hoá mua ngoài không đúng quy cách, phẩm chất theo hợp đồng kinh tế phải trả lại cho người bán, hoặc số tiền được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1561)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

(6). Phản ánh chi phí thu mua hàng hoá dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1562)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 141, 331,...

(7). Hàng hoá bất động sản mua về để bán, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (TK 1567 - Hàng hoá bất động sản - Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ 1332

Có các TK 111, 112, 331,...

(8). Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hoá bất động sản, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (TK 1567 - Hàng hoá bất động sản)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1332)

Có các TK 111, 112, 331,...

(9). Trường hợp bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu có quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp để bán:

- Khi có quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp bất động sản đầu tư để bán, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (TK 1567 - Hàng hoá BĐS - Giá trị còn lại của BĐS đầu tư)

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ ((2147) - Số hao mòn luỹ kế)

Có TK 217 - Bất động sản đầu tư (Nguyên giá)

Khi phát sinh các chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp triển khai cho mục đích bán, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112, 152, 334, 331,...

- Khi kết thúc giai đoạn sửa chữa, cải tạo, nâng cấp triển khai cho mục đích bán, kết chuyển toàn bộ chi phí ghi tăng giá trị hàng hoá bất động sản, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1567)

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

(10). Trị giá hàng hoá xuất bán được xác định là tiêu thụ, căn cứ Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng, phiếu xuất kho, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1561).

Đồng thời kế toán phản ánh doanh thu bán hàng:

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hàng hoá xuất bán thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 511, 512 (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Nếu hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp và hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131,... (Tổng giá thanh toán)

Có các TK 511, 512,... (Tổng giá thanh toán).

(11). Trường hợp thuê ngoài gia công, chế biến hàng hoá:

- Khi xuất kho hàng hoá đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 156 - Hàng hoá (1561).

- Chi phí gia công, chế biến hàng hoá, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,...

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

- Khi gia công xong nhập lại kho hàng hoá, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá (1561)

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

(12). Khi xuất kho hàng hoá gửi cho khách hàng hoặc xuất kho cho các đại lý, đơn vị nhận hàng ký gửi,..., ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1561).

(13). Khi xuất kho hàng hoá cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc để bán: Nếu sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 156 - Hàng hoá.

- Nếu sử dụng Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng, khi xuất kho hàng hoá, căn cứ vào hoá đơn, kế toán xác định giá vốn của hàng xuất bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hoá.

(14). Xuất hàng hóa tiêu dùng nội bộ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh: Trường hợp xuất kho hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

- Khi xuất kho hàng hóa ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa.

- Phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ của hàng hóa xuất kho tiêu dùng nội bộ và thuế GTGT đầu ra, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (giá vốn hàng).

Đồng thời, kế toán kê khai thuế GTGT cho hàng hóa tiêu dùng nội bộ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) .

(15). Xuất hàng hóa tiêu dùng nội bộ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh: Trường hợp xuất kho hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

- Khi xuất kho hàng hóa ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa.

- Phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ của hàng hóa xuất kho tiêu dùng nội bộ và thuế GTGT đầu ra, ghi:

Nợ TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (giá vốn hàng hóa)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

(16). Đối với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT khi xuất kho để biếu tặng hoặc để trả thay lương:

- Nếu xuất kho hàng hoá để biếu, tặng (Chi từ quỹ phúc lợi, khen thưởng) hoặc để trả thay lương phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng hoá theo giá bán chưa có thuế, ghi:

Nợ TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Nếu xuất kho để biếu tặng)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu xuất kho để trả thay lương)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Đồng thời phản ánh giá vốn hàng xuất kho, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1561).

- Nếu xuất kho hàng hoá để biếu, tặng (Chi từ quỹ phúc lợi, khen thưởng), để trả thay lương hoặc để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ theo tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 353 - Qũy khen thưởng, phúc lợi (Nếu xuất kho để biếu, tặng)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu xuất kho để trả thay lương)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

(17). Đối với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, khi xuất biếu tặng, sử dụng nội bộ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ các TK 641, 642, 353

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

Đồng thời phản ánh giá vốn hàng xuất kho, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1561).

(18). Cuối kỳ, khi phân bổ chi phí thu mua cho hàng hoá được xác định là bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1562).

(19). Mọi trường hợp phát hiện thừa hàng hoá bất kỳ ở khâu nào trong kinh doanh phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân. Kế toán căn cứ vào nguyên nhân đã được xác định để xử lý và hạch toán:

- Nếu do nhầm lẫn, cân, đo, đong, đếm, do quên ghi sổ,... thì điều chỉnh lại sổ kế toán.

- Nếu hàng hoá thừa là thuộc quyền sở hữu của đơn vị khác, thì giá trị hàng hoá thừa ghi Nợ TK 002 - Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (tài khoản ngoài bảng Cân đối kế toán). Sau đó khi trả lại hàng hoá cho đơn vị khác ghi Có TK 002.

- Nếu chưa xác định được nguyên nhân phải chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hoá

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

- Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý hàng hoá thừa, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381)

Có các Tài khoản liên quan.

(20). Mọi trường hợp phát hiện thiếu hụt, mất mát hàng hoá ở bất kỳ khâu nào trong kinh doanh phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân. Kế toán căn cứ vào quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền theo từng nguyên nhân gây ra để xử lý và ghi sổ kế toán:

- Phản ánh giá trị hàng hoá thiếu chưa xác định được nguyên nhân, chờ xử lý, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 156 - Hàng hoá.

- Khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, ghi:

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Nợ các TK 111, 112,... (Nếu do cá nhân gây ra phải bồi thường bằng tiền)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu do cá nhân gây ra phải trừ vào lương)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Phần giá trị hao hụt, mất mát còn lại)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381).

(21). Trị giá hàng hoá bất động sản được xác định là bán trong kỳ, căn cứ Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng, biên bản bàn giao hàng hoá BĐS, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hoá (1567 - Hàng hoá BĐS).

Đồng thời kế toán phản ánh doanh thu bán hàng hoá BĐS:

- Nếu đơn vị nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5117) (Giá chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Nếu đơn vị nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 331,...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5117) (Tổng giá thanh toán).

3. Kế toán tổng hợp hàng gửi đi bán

3.1. Tài khoản sử dụng

- TÀI KHOẢN 157 - HÀNG GỬI ĐI BÁN

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hoá, sản phẩm đã gửi hoặc chuyển đến cho khách hàng. Hàng hoá, sản phẩm gửi bán đại lý, ký gửi; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 157 - Hàng gửi đi bán

Bên Nợ:

- Trị giá hàng hoá, thành phẩm đã gửi cho khách hàng, hoặc gửi bán đại lý, ký gửi; gửi cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc;

- Trị giá dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán;

- Cuối kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán chưa được xác định là đã bán cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Bên Có:

- Trị giá hàng hóa, thành phẩm gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán;

- Trị giá hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã gửi đi bị khách hàng trả lại;

- Đầu kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

Trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán trong kỳ.

Tài khoản 157 "Hàng gửi đi bán" có thể mở chi tiết để theo dõi từng loại hàng hoá, thành phẩm gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp, thực hiện cho từng khách hàng.

3.2. Phương pháp kế toán

(1). Khi gửi hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, xuất hàng hóa, thành phẩm cho đơn vị nhận bán đại lý, ký gửi theo hợp đồng kinh tế, căn cứ phiếu xuất kho, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý, ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 156 - Hàng hóa

Có TK 155 - Thành phẩm.

(2). Dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

(3). Khi hàng gửi đi bán và dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng được xác định là đã bán trong kỳ:

- Nếu hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Nếu hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tổng giá thanh toán).

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Đồng thời phản ánh trị giá vốn của số hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hạng gửi đi bán.

(4). Khi xuất hàng hóa, sản phẩm (Thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc, trường hợp sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, kế toán đơn vị cấp trên ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán (Giá vốn)

Có TK 155 - Thành phẩm; hoặc

Có TK 156 - Hàng hóa.

Định kỳ, đơn vị cấp trên căn cứ vào Bảng kê hóa đơn hàng hóa bán ra do đơn vị cấp dưới lập chuyển đến để lập Hóa đơn GTGT phản ánh thành phẩm, hàng hóa tiêu thụ nội bộ gửi cho đơn vị cấp dưới, căn cứ Hóa đơn GTGT, kế toán đơn vị cấp trên ghi:

Nợ các TK 111, 112, 136,... (Giá bán nội bộ đã có thuế GTGT)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Giá bán nội bộ chưa có thuế GTGT).

Đồng thời phản ánh giá vốn của hàng bán ra, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hàng gửi đi bán.

(5). Trường hợp hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán nhưng bị khách hàng trả lại:

- Nếu hàng hóa, thành phẩm vẫn có thể bán được hoặc có thể sửa chữa được, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa; hoặc

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 157 - Hàng gửi đi bán.

- Nếu hàng hóa, thành phẩm bị hư hỏng không thể bán được và không thể sửa chữa được, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hàng gửi đi bán.

Ví dụ về kế toán thành phẩm, hàng hoá, hàng hoá bất động sản theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Công ty X là 1 đơn vị hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và xác định giá hàng xuất theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

http://vietnam12h.com

Công ty Hóa Chất Xây Dựng Phương Nam

Số dư sản phẩm, hàng hoá tại ngày 01/03/2010 như sau:

- Thành phẩm A: 50 tấn tương đương: 10.000.000đ,

- Hàng hoá B: 200 tấn tương đương: 20.000.000đ.

Trong tháng 3/2010 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Nhập kho hàng hoá B; số lượng là 600 tấn, giá thanh toán là: 66.000.000đ trong đó thuế GTGT là 6.000.000đ; đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (Phiếu nhập kho số 22 ngày 07/03). Chi phí vận chuyển chưa trả nhà vận chuyển là 8.800.000đ trong đó thuế GTGT là 800.000đ.

2. Nhập kho sản phẩm A, số lượng 700 tấn, giá thành thực tế: 140.000.000đ (Phiếu nhập kho số 25 ngày 09/03).

3. Xuất kho sản phẩm A, số lượng 100 tấn, gửi bán tại khách hàng X, (Phiếu xuất kho số 22 ngày 16/4).

4. Xuất bán hàng hoá B, số lượng 300 tấn; Giá bán: 42.900.000đ, trong đó thuế GTGT là 3.900.000đ, người mua chưa trả tiền (Phiếu xuất kho số 30 ngày 22/4).

5. Xuất bán sản phẩm A, số lượng 350 tấn; Giá bán: 95.700.000đ, trong đó thuế GTGT: 8.700.000đ. Người mua chưa trả tiền (Phiếu xuất kho số 35 ngày 27/4).

6. Mua bất động sản để bán, giá mua theo hoá đơn: 550.000.00đ, trong đó thuế GTGT: 50.000.000đ thanh toán bằng chuyển khoản; Chi phí liên quan đến mua bất động sản: 5.000.000đ thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh

Giải:

Định khoản kế toán

Đơn vị tính: 1.000đ

1a. Nợ TK 156B	60.000	
Nợ TK 133:	6.000	
Có TK 112:		66.000
1b. Nợ TK 156B:	8.000	
Nợ TK 133	800	
Có TK 331:		8.800
2. Nợ TK 155A:	140.000	
Có TK 154:		140.000
3. Nợ TK 157:	20.000	
Có TK 155A:		20.000

20.000 =(10.000 + 140.000) : (50 + 700) X 100

http://vietnam12h.com

4a. NỢTK131;	**42.900**	
CÓTK511;		39.000
Có TK 333;		3.900
4b. Nợ TK 632:	**33.000**	
Có TK 156B:		33.000
	33.000 = (20.000 +68.000): (200 +600) X300	
5a. NỢTK131	9Õ.700	
CÓTK 511		87.000
Có TK 333:		8.700
5b. Nợ TK 632:	**70.000**	
Có TK 155A		70.000
	70.000 =(10.000 +140.000) : (50 + 700) X350	
6a. NỢTK 1567	ÕOO.OOO	
Nợ TK 133:	**50.000**	
CÓTK 112:		550.000
6b. Nợ TK 1567:	**5.000**	
CÓTK331;		5.000

http://vietnam12h.com